

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/DS-ST
Ngày: 16-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thê Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Quang Cảnh

Ông Hồ Lê Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Số M đường N, phường O, quận P, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1208/2018/UQ-GĐK-TDTD ngày 14/12/2018)

- Bị đơn: Ông Phạm Thanh B; địa chỉ: Số Q đường R, phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai tại Tòa án của người đại diện theo ủy quyền, nguyên đơn trình bày: Ngày 02/6/2014, ông Phạm Thanh B ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, số hiệu hồ sơ No 165897 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số 20140606-500000-0022) với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền là 21.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận, ông B có

trách nhiệm thanh toán số tiền 32.206.000 đồng (gồm gốc và lãi), chậm trả trong 24 tháng, 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.343.000 đồng, tháng cuối trả 1.317.000 đồng; thanh toán vào ngày 6 tháng tháng, từ ngày 06/7/2014.

Thực hiện hợp đồng, ông B đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và chỉ thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 10.744.000 đồng. Trong đó, trả 5.073.130 nợ gốc và 5.670.870 nợ lãi. Kể từ ngày 22/4/2015 đến nay, ông B không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông B thanh toán số tiền 21.462.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 15.926.870 đồng và nợ lãi là 5.535.130 đồng. Thanh toán một lần ngày khi bản án, quyết định có hiệu lực.

Bị đơn là ông Phạm Thanh B không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 31/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc ông Phạm Thanh B trả nợ gốc và lãi theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 02/4/2014. Theo xác minh ngày 21/02/2019 của Công an phường S thì ông Phạm Thanh B đang cư trú tại , phường S, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp hợp đồng, cụ thể là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông B thanh toán số tiền 21.462.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 15.926.870 đồng và nợ lãi là 5.535.130 đồng. Thanh toán một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông B không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, lời khai, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu No 165897 ngày 02/6/2014, Bảng Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ do ông B ký ngày 02/6/2014; Bảng kê tính lãi, Bảng kê lịch sử thanh toán do nguyên đơn giao nộp thì có cơ sở xác định: Bị đơn đã nhận giải ngân số tiền 21.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 45%/năm, tương đương 3.75%/tháng; bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 32.206.000 đồng, bao gồm 21.000.000 đồng nợ gốc và 12.206.000 đồng, thanh toán thành 24 kỳ từ ngày 06/7/2014 đến ngày 6/6/2016. Tuy nhiên từ 02/7/2014 đến ngày 24/4/2015, bị đơn chỉ thanh toán 08 kỳ với số tiền 10.744.000 đồng. Từ ngày 24/4/2015 đến nay, bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/8/2019), bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ đến hạn thanh toán, bao gồm nợ gốc là 15.926.870 đồng và nợ lãi là 5.535.130 đồng, tổng cộng là 21.462.000 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông B phải trả nợ gốc và nợ lãi đến hạn thanh toán là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện với số tiền 21.462.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.073.100 đồng.

[5] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 290, Điều 292, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Khoản

2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Phạm Thanh B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 21.462.000 (hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn) đồng, bao gồm nợ gốc là 15.926.870 (mười lăm triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi) đồng và nợ lãi là 5.535.130 (năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/8/2019, ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Ông B phải chịu 1.073.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V 536.550 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012360 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Ngân hàng TMCP V, ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông